

Bản án số: **24/2020/HS-ST**

Ngày: **09 - 07 - 2020.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Cao Quốc Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Vũ Thị Lan**

**Bà Phạm Hồng Gái**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Tú Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày **09** tháng **07** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số **20/2020/TLST-HS** ngày 21 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **23/2020/QĐXXST-HS** ngày 08 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo Trần Văn H1**, sinh năm 1998, nơi sinh: tại tỉnh H Giang. Nơi thường trú: Ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, Tôn giáo: Đạo phật, con ông Trần Văn X, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị R, sinh năm: 1959; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 05/12/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**2. Bị cáo Nguyễn Hoàng C**, sinh năm 1989, nơi sinh: tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, Tôn giáo: Không, con ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1971 và bà Trần Thị L, sinh năm 1972; vợ tên Bùi Thị L, sinh năm: 1995, có 03 con lớn nhất sinh năm

2015 và nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo được tại ngoại và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:**

1. Ông **Nguyễn La T**, sinh năm; 1990. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn H, tỉnh Kiên Giang.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm: 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**\* Người làm chứng:**

1. Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Chị **Nguyễn Thị Yến N1**, sinh năm: 2002. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Pn Thanh T**, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh **Trương Minh Q**, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Khoảng 17 giờ, ngày 04/12/2019 Nguyễn Văn P, Nguyễn La T cùng một số bạn bè đến phòng số 02 karaoke và Nhung tại quán S tại khu phố T, thị trấn H. Tại đây, P kêu 04 nữ tiếp viên đến phục vụ bấm bài hát và rót bia, nH được một lúc thì những người bạn của P và T cho tiền 02 nữ tiếp viên nữ rồi đi về, trong phòng chỉ còn P và T cùng hai nữ tiếp viên tên Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thị Kim N. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P kêu tính tiền đồng thời cho Nhi và N mỗi người 150.000 đồng, N1 và N chê ít, không nhận và đồng thời kêu Trần Văn H1 đến để xin thêm tiền bo. Sau khi nghe điện thoại, H1 đi ra phía sau bếp tại nhà thuê trọ thuộc khu phố T, thị trấn H lấy 01 con dao, loại dao thái lan cán bằng nhựa màu vàng bỏ vào túi quần và rủ Nguyễn Hoàng C cùng đi. Khi đến

quán karaoke S, H1 kêu C đứng chờ ở bên ngoài quán còn mình đi vào phòng số 02 gặp P và T để xin thêm tiền cho N1 và N, thấy T nói “cho hai đứa 100.000 đồng được không?”, H1 đã có ý định rút dao ra đâm nhưng do quen biết chủ quán nên H1 đi xuống dưới đứng chờ. Sau khi tính tiền quán xong, P cho Nhi và N mỗi người 250.000 đồng, thấy vậy H1 đứng lên xe mô tô chở C về nhà trọ. Khi H1 về nhà trọ thì N điện thoại cho H1 nói T dọa đánh H1 nên H1 rủ C và Trần Minh T quay lại quán karaoke để đánh P và T. C lấy 01 cây dao bằng kim loại, dài khoảng 45 cm, loại dao mũi bầu. T lấy 01 cây kim loại 03 khúc, dài khoảng 40 cm - 50 cm đều trong phòng trọ của H1 rồi bỏ vào trong cốp mô tô, loại xe Attila, biển số 68D1 - 156.13 và sau đó H1 điều khiển xe mô tô chở C và T đi đến quán.

Đến nơi H1 mở cốp xe cho C và T lấy hung khí, lúc này P và T từ trong quán đi ra thấy vậy H1 xông tới dùng dao đâm hai nhát vào lưng của T, Thương dùng gậy ba khúc đánh một cái vào vai phải và 01 cái vào chân phải của T, làm T ngã gục xuống. Thấy T bị đánh nên P chạy tới thì bị T dùng gậy đánh ngăn cản và C dùng cán dao đánh trúng vào lưng của P 02 cái, H1 cầm dao xông đến đâm 01 nhát vào lưng trái của P làm P ngã gục xuống. Do có chủ quán và nhân viên quán ngăn cản nên H1, C, Thương lấy xe quay về nhà trọ của H1. P và T đưa đến Trung tâm y tế huyện H, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh K để điều trị vết thương đến ngày 10/12/2019 thì Nguyễn La T xuất viện và ngày 12/12/2019 Nguyễn Văn P xuất viện và làm đơn yêu cầu khởi tố.

***\* Bản giám định kết luận pháp y về thương tích số 56/KL-PY ngày 15/01/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh K kết luận thương tích của Nguyễn Văn P như sau:***

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
  - Sẹo sơ cứng vùng lưng trái và sẹo phẫu thuật.
  - Tổn thương màng phổi trái gây tràn khí, tràn dịch màng phổi, thủng cơ hoành trái 01 lỗ, đã được dẫn lưu màng phổi và khâu lỗ thủng cơ hoành, hiện tại đã được điều trị ổn.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 27%.
3. Vật gây thương tích: Vật sắc.
4. Về chức năng bộ phận cơ thể: Hiện tại thương tích không gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể.

**\* Bản giám định kết luận pháp y về thương tích số 203/KL-PY ngày 14/4/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh K kết luận thương tích của Nguyễn La T như sau:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng lưng trái 02 vết
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02%.
3. Vật gây thương tích: Vật có góc cạnh sắc.
4. Về chức năng bộ phận cơ thể: Hiện tại thương tích không gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể.

**\* Về vật chứng:**

- 01 cây dao Thái Lan dài 22 cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao sắc bén, dao đã qua sử dụng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

- 01 cây dao và 01 cây gậy 03 khúc mà Nguyễn Hoàng C, Trần Minh T sử dụng để đánh Nguyễn Văn P và Nguyễn La T quá trình điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Attila, biển số 38D1-156.13 mà Trần Văn H1 sử dụng làm phương tiện chở C và T do Nguyễn Hoàng H đứng tên Chủ sở hữu. Quá trình điều tra, H không biết H1 sử dụng xe để gây án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho H quản lý, sử dụng.

**\* Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.500.000 đồng, Nguyễn La T yêu cầu bồi thường số tiền 860.000 đồng, gia đình bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Hoàng C đã bồi thường xong.

**\* Cáo trạng số 22/CT-VKS-HĐ ngày 20/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang** đã truy tố bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Hoàng C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Tại phiên tòa**, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Nguyễn Hoàng C về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn H1 mức án tù từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đồng thời, đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

**Tại phiên tòa**, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố đối với bị cáo. Lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội và tội danh*: Bị cáo Trần Văn H1 và Nguyễn Hoàng C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Vào khoảng 19 giờ ngày 04/12/2019 tại quán Karaoke S thuộc khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang Trần Văn H1 rủ Nguyễn Hoàng C, Trần Minh T mang theo dao và gậy sắt đến đánh Nguyễn Văn P và Nguyễn La T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Văn P là 27% và Nguyễn Lan T là 02%. Lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, với kết luận giám định pháp y, thống nhất với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, các bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn từ trước nhưng khi

nghe Nguyễn Thị Kim N điện thoại nói với bị cáo H1 về việc không hài lòng với số tiền phục vụ mà bị hại cho, nên bị cáo H1 đã rủ bị cáo C đến quán Karaoke S để tìm các bị hại với ý định đánh các bị hại. Sau đó, bị hại cho N, Nhi mỗi người 250.000 đồng tiền phục vụ nên bị cáo đã bỏ về. Tuy nhiên, sau khi nghe N điện thoại báo là bị hại hăm dọa đánh bị cáo H1 thì ngay tức khắc bị cáo H1 đã rủ bị cáo C lấy dao, gây sắc để tiếp tục trở lại tìm bị hại để đánh.

Bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Hoàng C đã trực tiếp dùng dao và gây sắc nhọn gây thương tích cho bị hại thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*” được hướng dẫn tại điểm a mục 2.2 Phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 và tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn H1 và Nguyễn Hoàng C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) với tình tiết định khung là sử dụng hung khí và mang tính chất côn đồ là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo:* Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết được việc sử dụng dao, gây sắc là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, chỉ vì mâu thuẫn xuất phát từ việc nghe nói là bị hại hăm dọa đánh bị cáo H1 mà các bị cáo lấy đó là lý do, duyên cớ để chủ động tìm bị hại để gây thương tích. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, thái độ hung hăng, quyết liệt, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác, coi thường pháp luật và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, C có mức hình phạt thật nghiêm để răn đe, để giáo dục bị cáo đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

[5]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015

(được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị hại làm đơn bãi nại và không yêu cầu truy tố bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo hồ sơ vụ án thể hiện và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận, bị cáo H1 là người chủ động rủ bị cáo C đi tìm bị hại để gây thương tích. Trong quá trình xô xát đánh nhau với bị hại, bị cáo C dùng cán dao đánh vào người bị hại và bị cáo H1 là người trực tiếp đâm bị hại. Cho nên, HĐXX xét thấy bị cáo C có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

**[6]. Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Nguyễn Văn P yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.500.000 đồng và bị hại Nguyễn La T yêu cầu bồi thường số tiền 860.000 đồng. Các bị cáo đã tự thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản thiệt hại nào khác nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này và không xem xét bồi thường thiệt hại theo yêu cầu các bên.

**[7]. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

**[8]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

\* Đối với bị cáo Trần Minh T: Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can Thương đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với T và ra Quyết định truy nã khi nào bắt được T sẽ xử lý sau.

Vì vậy, trong thảo luận và nghị án HĐXX thống nhất chấp nhận đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố Trần Văn H1, Nguyễn Hoàng C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.**

Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn H1 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/12/2019.

Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hoàng C 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu: 01 cây dao Thái Lan dài 22 cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao sắc bén, dao đã qua sử dụng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 13/QĐ-VKS HĐ ngày 19/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Attila, biển số 38D1-156.13 mà Trần Văn H1 sử dụng làm phương tiện chở C và T do Nguyễn Hoàng H đứng tên Chủ sở hữu. Quá trình điều tra, H không biết H1 sử dụng xe để gây án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho H quản lý, sử dụng.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Văn H1, Nguyễn Hoàng C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp

luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh K;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- CQĐT, CQ.THA hình sự  
& Nhà tạm giữ CA huyện;
- Chi THADS huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Cao Quốc Chiến**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN    HỘI THẨM NHÂN DÂN    THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**

**Trần Thị Ngọc Trân**

**Võ Kế Nghiệp**